

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải và ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thùy Dung – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc *“Ly hôn tranh chấp nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn C - Có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị V (Vắng mặt lần thứ hai)

Cùng địa chỉ: Thôn ĐT, thị trấn ĐM, huyện Krn, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 13/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Bùi Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn C kết hôn với chị Nguyễn Thị V năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn anh C, chị V sinh sống tại thôn Đắk Tân, thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Thời gian chung sống anh C, chị V thường hay xảy ra mâu thuẫn nên đến năm 2014 chị V đã bỏ nhà đi đến nay không trở về, khi đi chị V không báo cho gia đình, chính quyền địa phương. Anh C đã tìm kiếm chị V nhiều lần nhưng không có tin tức gì. Sau đó anh C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông tuyên bố chị Nguyễn Thị V mất tích, ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tuyên bố chị Nguyễn Thị V mất tích theo Quyết định số: 04/2019/QĐ-VDS. Xét mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C

làm đơn xin ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh C và chị V có một con chung là cháu Bùi Lan H, sinh ngày 25/12/2012. Anh C có nguyện vọng được nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

+ *Về trình tự tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật: Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên xử cho anh Bùi Văn C ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Giao con Bùi Lan H, sinh ngày 25/12/2012, cho anh Bùi Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh C không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Bùi Văn C phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn chị Nguyễn Thị V có nơi cư trú tại thôn ĐT, thị trấn ĐM, huyện Krn, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản

1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị V đến giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chị V vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị V.

[2]. **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Nguyên đơn anh Bùi Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quyền nuôi con chung với chị V. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con **khí ly hôn**” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về nội dung vụ án:**

[3.1]. **Về quan hệ hôn nhân:**

Anh Bùi Văn C, chị Nguyễn Thị V đủ tuổi đăng ký kết hôn, kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông vào ngày 12/4/2012. Do đó, hôn nhân giữa anh C và chị V là hôn nhân hợp pháp, đúng theo điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời kỳ hôn nhân anh C và chị V sống hạnh phúc, hoà thuận và sinh được 01 người con chung. Tuy nhiên, sau đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng chị V bỏ nhà đi từ đó đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, trách nhiệm từ cả hai phía vợ, chồng; chị V bỏ nhà đi là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tuyên bố chị V mất tích theo quyết định số 04/2019/QĐ-VDS. Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...”.

Qua xác minh tại địa phương nơi anh C và chị V cư trú thể hiện anh C và chị V đã sống ly thân với nhau, hiện chị V đi đâu không rõ, trước thì vợ chồng hay có xung đột, mâu thuẫn.

Vì vậy HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần cho Cường được ly hôn với chị V.

[3.2]. **Về con chung:** Anh Bùi Văn C và chị Nguyễn Thị V có 01 con chung là cháu Bùi Lan H, sinh ngày 25/12/2012. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng anh C và mẹ anh C bà Lê Thị Mạch tại thôn ĐT, thị trấn ĐM, huyện

Krông Nô, cháu H có nguyện vọng được ở với anh C. Vì vậy, HĐXX cần giao cháu Hương cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là cần thiết. Anh C không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3.3]. **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Bùi Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4]. **Về án phí :** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Bùi Văn C phải nộp 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn C.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

2. **Về con chung:** Giao con Bùi Lan H, sinh ngày 25/12/2012, cho anh Bùi Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn anh C, chị V có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Bùi Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí:** Buộc anh Bùi Văn C phải nộp số tiền 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000(*Ba trăm nghìn*)

đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002809, ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H.Krông Nô;
- UBND thị trấn Đắk Mâm;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ